

Số: 745 /BVP

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 4 năm 2025

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế Thanh Hóa

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện Phổi Thanh Hóa

Số giấy phép hoạt động: 458/SYT-GPHĐ; Cơ quan cấp: Sở Y tế Thanh Hóa ngày 19 tháng 3 năm 2015.

Địa chỉ: 302 Nguyễn Hữu Cảnh, P. Quảng Thịnh, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Đào Thanh Bình

Điện thoại liên hệ: 0237996607

Email: benhvienphoithanhhoa@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- 1.1. Bác sỹ Y khoa
- 1.2. Bác sỹ chuyên khoa Điện quang
- 1.3. Bác sỹ chuyên khoa Gây mê Hồi sức
- 1.4. Điều dưỡng
- 1.5. Kỹ thuật Xét nghiệm Y học
- 1.6. Kỹ thuật Hình ảnh Y học

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành (Theo Phụ lục đính kèm)

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác:

- Thực hành khám chữa bệnh Nhi khoa
- Thực hành khám chữa bệnh Sản phụ khoa
- Thực hành khám chữa bệnh chuyên khoa: Mắt, Tai Mũi Họng, Răng hàm mặt, Tâm thần, Da và lớp bao phủ.



4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành:

- Bác sỹ Y khoa: 20
- Bác sỹ chuyên khoa Điện quang: 05
- Bác sỹ chuyên khoa Gây mê hồi sức: 05
- Điều dưỡng: 40
- Kỹ thuật Xét nghiệm y học: 10
- Kỹ thuật Hình ảnh y học: 10

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: 1.000.000 đồng/người/tháng

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố:

- Nội dung thực hành.
- Hợp đồng hợp tác hướng dẫn thực hành.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Các khoa, phòng;
- KHNV (đăng Wesite);
- Lưu VT, QLCL.



Đào Thanh Bình

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN PHỔI



DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản công bố số: 745 /BVP ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Bệnh viện Phổi)

TT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Bằng cấp chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp	Phạm vi hành nghề
I	Hướng dẫn thực hành chuyên môn Hồi sức cấp cứu							
1	Nguyễn Văn Dũng	Nam	06/06/1977	BV Phổi Thanh Hóa	Thạc sỹ - BSCKII	003331/TH-CCHN	02/07/2015	KCB Hồi sức cấp cứu
2	Mai Thanh Tùng	Nam	15/02/1983	BV Phổi Thanh Hóa	BS CKI	002875/TH-CCHN	10/05/2013	KCB Hồi sức cấp cứu
II	Hướng dẫn thực hành cho Bác sỹ Y khoa							
1	Đào Thanh Bình	Nam	19/01/1971	BV Phổi Thanh Hóa	Thạc sỹ Y học	002677/TH-CCHN	10/05/2013	KCB Nội - lao
2	Trịnh Văn Anh	Nam	08/11/1971	BV Phổi Thanh Hóa	Tiến sỹ Y học	002294/TH-CCHN	15/04/2013	KCB Nội thần kinh, tâm thần
3	Cao Đức Thân	Nam	03/03/1969	BV Phổi Thanh Hóa	BSCKII	002876/TH-CCHN	10/05/2013	KCB Nội khoa
4	Nguyễn Hữu Tài	Nam	27/07/1977	BV Phổi Thanh Hóa	Thạc sỹ - BSCKII	002845/TH-CCHN	10/05/2013	KCB Nội khoa
5	Nguyễn Văn Thanh	Nam	03/02/1972	BV Phổi Thanh Hóa	Thạc sỹ Y học	002674/TH-CCHN	10/05/2013	KCB Nội - lao
6	Lê Thị Tuyết	Nữ	12/01/1988	BV Phổi Thanh Hóa	BS CKI	008318/TH-CCHN	15/01/2015	KCB Nội khoa
7	Vương Thị Hương	Nữ	14/12/1993	BV Phổi Thanh Hóa	Thạc sỹ - BS nội trú	017895/TH-CCHN	20/04/2021	KCB Lao và Bệnh phổi
8	Lê Thiện Hữu	Nam	18/08/1982	BV Phổi Thanh Hóa	BSCKI	008315/TH-CCHN	15/01/2015	Nội lao
9	Lê Hồng Nhung	Nữ	03/02/1989	BV Phổi Thanh Hóa	BSCKI	012678/TH-CCHN	08/11/2016	Nội khoa, Ung thư
10	Lê Như Hùng	Nam	08/10/1970	BV Phổi Thanh Hóa	BSCKI	002846/TH-CCHN	10/05/2013	KCB Nội khoa
11	Phạm Huy Tâm	Nam	19/08/1965	BV Phổi Thanh Hóa	Bác sỹ	002666/TH-CCHN	10/05/2013	KCB YHCT
12	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Nữ	12/03/1987	BV Phổi Thanh Hóa	BSCKI	016500/TH-CCHN	13/03/2020	Chuyên khoa GPB
13	Nguyễn Minh Trí	Nam	01/01/1984	BV Phổi Thanh Hóa	BSCKI	002842/TH-CCHN	10/05/2013	Chuyên khoa CDHA
14	Lê Thị Hà	Nữ	03/04/1990	BV Phổi Thanh Hóa	BSCKI	013128/TH-CCHN	19/05/2017	KCB Nội khoa, PHCN
15	Đỗ Văn Tân	Nam	16/01/1974	BV Phổi Thanh Hóa	BSCKI	002667/TH-CCHN	10/05/2013	KCB Ngoại khoa
16	Dương Thế Đức	Nam	03/05/1990	BV Phổi Thanh Hóa	BSCKI	016233/TH-CCHN	22/11/2019	KCB Ngoại khoa



TT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Bằng cấp chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp	Phạm vi hành nghề
III Hướng dẫn thực hành cho Bác sỹ chuyên khoa Gây mê hồi sức								
1	Hồ Hữu Hưng	Nam	26/09/1990	BV Phổi Thanh Hóa	BSCKI	012679/TH-CCHN	18/11/2016	KCB Gây mê hồi sức
IV Hướng dẫn thực hành cho Bác sỹ chuyên khoa Điện quang								
1	Nguyễn Minh Trí	Nam	01/01/1984	BV Phổi Thanh Hóa	BSCKI	002842/TH-CCHN	10/05/2013	Chuyên khoa CĐHA
V Hướng dẫn thực hành cho Điều dưỡng								
1	Phan Kiều Bách	Nam	04/03/1978	BV Phổi Thanh Hóa	CNĐD Đại học	016229/TH-CCHN	10/05/2013	Điều dưỡng viên
2	Nguyễn Văn Tiến	Nam	03/04/1983	BV Phổi Thanh Hóa	CNĐD Đại học	002611/TH-CCHN	15/04/2013	Điều dưỡng viên
3	Vũ Trọng Quyết	Nam	16/03/1984	BV Phổi Thanh Hóa	ĐD CKI	002567/TH-CCHN	10/05/2013	Điều dưỡng viên
4	Đồng Thị Thoa	Nữ	20/10/1983	BV Phổi Thanh Hóa	CNĐD Đại học	002567/TH-CCHN	15/01/2015	Điều dưỡng viên
5	Nguyễn Thị Hà	Nữ	21/09/1979	BV Phổi Thanh Hóa	CNĐD Đại học	002557/TH-CCHN	10/05/2013	Điều dưỡng viên
6	Nguyễn Thị Thu Giang	Nữ	14/04/1981	BV Phổi Thanh Hóa	CNĐD Đại học	008322/TH-CCHN	10/05/2013	Điều dưỡng viên
7	Lê Thị Hương	Nữ	22/06/1974	BV Phổi Thanh Hóa	CNĐD Đại học	002569/TH-CCHN	10/05/2013	Điều dưỡng viên
8	Hà Thanh Hải	Nam	05/05/1983	BV Phổi Thanh Hóa	CNĐD Đại học	002650/TH-CCHN	10/05/2013	Điều dưỡng viên
9	Lê Thị Hòa	Nữ	01/02/1986	BV Phổi Thanh Hóa	CNĐD Đại học	002596/TH-CCHN	10/05/2013	Điều dưỡng viên
10	Lê Công Tuấn	Nam	17/12/1988	BV Phổi Thanh Hóa	Cử nhân điều dưỡng - KTV PHCN	002862/TH-CCHN	10/05/2013	Điều dưỡng, KTV PHCN
11	Lê Thị Hương	Nữ	02/02/1985	BV Phổi Thanh Hóa	CNĐD Đại học	002625/TH-CCHN	10/05/2013	Điều dưỡng viên
VI Hướng dẫn thực hành cho Kỹ thuật hình ảnh Y học								
1	Nguyễn Trọng Hùng	Nam	04/09/1973	BV Phổi Thanh Hóa	CN Kỹ thuật hình ảnh	002634/TH-CCHN	10/05/2013	Kỹ thuật hình ảnh y học
2	Trần Quang Chức	Nam	15/06/1988	BV Phổi Thanh Hóa	CN Kỹ thuật hình ảnh	002592/TH-CCHN	14/11/2016	Kỹ thuật hình ảnh y học
VII Hướng dẫn thực hành cho Kỹ thuật xét nghiệm Y học								
1	Lê Hoàng Quyết	Nam	22/12/1980	BV Phổi Thanh Hóa	CK1 Xét nghiệm	012643/TH-CCHN	10/05/2013	Kỹ thuật XN y học
2	Đặng Thị Tâm	Nữ	21/07/1990	BV Phổi Thanh Hóa	CN xét nghiệm	002644/TH-CCHN	10/05/2013	Kỹ thuật XN y học
3	Trịnh Thị Bình	Nữ	19/05/1989	BV Phổi Thanh Hóa	CN xét nghiệm	002861/TH-CCHN	27/10/2022	Kỹ thuật XN y học
4	Nguyễn Đình Hiếu	Nam	10/09/1994	BV Phổi Thanh Hóa	CĐ xét nghiệm	017598/TH-CCHN	16/01/2017	Kỹ thuật XN y học

NỘI DUNG THỰC HÀNH CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ

Căn cứ Nghị định 96/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Bệnh viện Phổi Thanh Hóa xây dựng nội dung thực hành để cấp Giấy phép hành nghề như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HÀNH

1. Bác sỹ Y khoa: Thời gian 12 tháng trong đó 3 tháng Hồi sức cấp cứu, 9 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh.

2. Bác sỹ chuyên khoa Điện quang: 12 tháng trong đó 3 tháng Hồi sức cấp cứu, 9 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh.

3. Bác sỹ chuyên khoa Gây mê hồi sức: 12 tháng trong đó 3 tháng Hồi sức cấp cứu, 9 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh.

4. Kỹ thuật viên Xét nghiệm Y học: 6 tháng trong đó 1 tháng Hồi sức cấp cứu và 5 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh.

5. Kỹ thuật viên Hình ảnh Y học: 6 tháng trong đó 1 tháng Hồi sức cấp cứu và 5 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh.

6. Điều dưỡng: 6 tháng trong đó 1 tháng Hồi sức cấp cứu và 5 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh.

II. ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH:

Tại Bệnh viện Phổi Thanh Hóa và Bệnh viện đa khoa TP. Thanh Hóa (Với các chuyên khoa Bệnh viện Phổi không đủ điều kiện hướng dẫn thực hành).

III. YÊU CẦU

1. Đối với người thực hành

- Tuân thủ quy chế chuyên môn, nội quy bệnh viện và các quy định của Nhà nước.

- Tuân thủ sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành.

- Thực hiện đúng chức trách của người thực hành theo quy định.

- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh trong quá trình thực hành.

- Không được ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án. Không tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi người hướng dẫn chưa cho phép.

- Thực hiện các nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

2. Đối với người hướng dẫn thực hành

- Thực hiện đúng quy trình, quy chế chuyên môn, nội quy bệnh viện và các quy định của Nhà nước.

- Hướng dẫn người thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo đúng quy định để đạt kết quả theo yêu cầu.

- Trong quá trình hướng dẫn thực hành phải lồng ghép hướng dẫn các nội dung quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành và chịu trách nhiệm nếu để người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh, trừ trường hợp người thực hành cố ý vi phạm.

3. Đối với khoa, phòng có người thực hành

- Theo dõi, quản lý, giám sát hoạt động hướng dẫn thực hành tại đơn vị mình theo đúng quy định.

IV. NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN THỰC HÀNH

I. Bác sỹ Y khoa

TT	Chuyên môn	Nội dung thực hành
1	Hồi sức cấp cứu (3 tháng)	Ghi điện tim cấp cứu tại giường Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu Đặt ống nội khí quản Hút nội khí quản hoặc hút mở khí quản Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu Bóp bóng Ambu qua mặt nạ Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2) Thở ngắt

		<p> Thở oxy Khí dung thuốc cấp cứu Khí dung thuốc qua thở máy Chăm sóc lỗ mở khí quản Chăm sóc ống nội khí quản Chọc hút dịch - khí màng phổi bằng kim hay catheter Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản Cấp cứu ngừng tim Cấp cứu ngừng thở Ép tim ngoài lồng ngực Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang Chọc dịch tụy sống Đặt ống thông dạ dày Thụt tháo Cho ăn qua ống thông dạ dày Chọc dò ổ bụng cấp cứu Dẫn lưu dịch ổ bụng cấp cứu Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch Cố định tạm thời người bệnh gãy xương Băng bó vết thương Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm Định nhóm máu tại giường Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống nội khí quản, mở khí quản bằng ống hút thường để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy </p>
2	Nội khoa (3 tháng)	<p> Cấp cứu tăng huyết áp Cấp cứu hạ huyết áp Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên Chọc thăm dò màng phổi Chọc hút khí màng phổi Chọc hút dịch màng phổi Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi Khí dung thuốc giãn phế quản Hướng dẫn sử dụng bình xịt định liều Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế Kỹ thuật ho có điều khiển Kỹ thuật tập thở cơ hoành Vận động trị liệu hô hấp Đặt ống sonde dạ dày Chọc dò, chọc tháo dịch ổ bụng </p>

	<p>Thụt tháo</p> <p>Chăm sóc ống thông bàng quang</p> <p>Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang</p> <p>Đo lượng nước tiểu 24 giờ</p> <p>Săn sóc theo dõi ống thông tiểu</p> <p>Kỹ thuật tiêm Insulin</p> <p>Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản</p> <p>Cố định tạm thời người bệnh gãy xương</p> <p>Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt</p> <p>Tiêm bắp thịt</p> <p>Tiêm dưới da</p> <p>Tiêm trong da</p> <p>Tiêm truyền thuốc</p> <p>Truyền dịch thường quy</p>
<p>Ngoại khoa (6 tuần)</p>	<p>Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản</p> <p>Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt</p> <p>Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn</p> <p>Cố định tạm thời người bệnh gãy xương</p> <p>Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng</p> <p>Nắn, bó bột gãy xương đòn</p> <p>Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt</p> <p>Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm</p> <p>Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm</p> <p>Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu</p> <p>Thay băng vết mổ</p> <p>Thay băng, cắt chi</p> <p>Cắt chi khâu da</p> <p>Băng bó vết thương</p>
<p>Sản phụ khoa (3 tuần)</p>	<p>Khám thai</p> <p>Khám phụ khoa</p> <p>Đỡ đẻ thường ngôi chỏm</p> <p>Cắt và khâu tầng sinh môn</p> <p>Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ</p> <p>Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau</p> <p>Kiểm soát tử cung</p> <p>Bóc rau nhân tạo</p> <p>Kỹ thuật bấm ối</p> <p>Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn</p> <p>Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút</p> <p>Làm thuốc âm đạo</p>
<p>Nhi khoa (1 tháng)</p>	<p>Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu</p> <p>Ghi điện tim cấp cứu tại giường</p> <p>Ép tim ngoài lồng ngực</p>

	<p> Khí dung thuốc cấp cứu Khí dung thuốc thở máy Khí dung mũi họng Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter một lần Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter kín Bóp bóng Ambu qua mặt nạ Thổi ngạt Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) Thở oxy gọng kính Thở oxy lưu lượng cao qua mặt nạ không túi Thở oxy qua mặt nạ có túi Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp Thông tiểu Cho ăn qua ống thông dạ dày Đặt sonde hậu môn Thụt tháo phân Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng Cố định tạm thời người bệnh gãy xương Băng bó vết thương Tiêm trong da Tiêm dưới da Tiêm bắp thịt Tiêm tĩnh mạch Truyền tĩnh mạch </p>
Y học cổ truyền (1 tuần)	<p> Bó thuốc Chích lễ Chườm ngải Cứu Điện châm Hào châm Xoa bóp bấm huyệt bằng tay Thủy châm </p>
Phục hồi chức năng (2 tuần)	<p> Điều trị bằng tia hồng ngoại Tập lăn trở khi nằm Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi Tập ho có trợ giúp Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường Kỹ thuật xoa bóp vùng Kỹ thuật xoa bóp toàn thân Tập với thang tường Tập với ròng rọc </p>

Điện quang (2 tuần)	Chụp Xquang cấp cứu tại giường
Xét nghiệm (2 tuần)	Làm test phục hồi máu mao mạch Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường Định nhóm máu ABO Lấy mẫu, vận chuyển mẫu bệnh phẩm xét nghiệm Lấy máu tĩnh mạch bệnh
Mắt, TMH, RHM (2 tuần)	Đo thị lực Đo nhãn áp Cấp cứu bong mắt ban đầu Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi Chích nhọt ống tai ngoài Chọc hút dịch vành tai Làm thuốc tai, mũi, thanh quản Lấy nút biểu bì ống tai ngoài Chích áp xe lợi Hút đờm hầu họng Khí dung mũi họng Nhét bác mũi trước Nhổ răng sữa
Tâm thần (2 tuần)	Cấp cứu người bệnh tự sát Điều trị chống tái nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng naltrexon Điều trị hỗ trợ cắt cơn cai nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng các bài thuốc y học dân tộc Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng các thuốc hướng thần Điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc methadone Liệu pháp giải thích hợp lý Liệu pháp kích hoạt hành vi (BA) Liệu pháp lao động Liệu pháp tái thích ứng xã hội Liệu pháp tâm lý gia đình Liệu pháp tâm lý nhóm Liệu pháp thể dục, thể thao Liệu pháp thư giãn luyện tập Nghiệm pháp Naloxone chẩn đoán hội chứng cai các chất dạng thuốc phiện Thang đánh giá bồn chồn bất an - BARNES Thang đánh giá hoạt động hàng ngày (ADLS) Thang đánh giá hội chứng cai rượu CIWA

	<p>Thang đánh giá lo âu - trầm cảm - stress (DASS)</p> <p>Thang đánh giá mức độ sử dụng rượu (Audit)</p> <p>Thang đánh giá trầm cảm ở cộng đồng (PHQ - 9)</p> <p>Thang đánh giá trầm cảm sau sinh (EPDS)</p> <p>Thang đánh giá triệu chứng ngoại tháp (SIMPSON)</p> <p>Thang đánh giá vận động bất thường (AIMS)</p> <p>Trắc nghiệm rối loạn giấc ngủ (PSQI)</p> <p>Trắc nghiệm tâm lý Beck</p> <p>Trắc nghiệm tâm lý Zung</p> <p>Tư vấn tâm lý cho người bệnh và gia đình</p> <p>Xử trí dị ứng thuốc hướng thần</p> <p>Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần</p> <p>Xử trí người bệnh không ăn</p> <p>Xử trí người bệnh kích động</p> <p>Xử trí trạng thái bồn chồn bất an do thuốc hướng thần</p> <p>Xử trí trạng thái sảng rượu</p>
Da và lớp bao phủ (1 tuần)	<p>Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu</p> <p>Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm</p> <p>Cắt chỉ khâu da</p> <p>Khám bệnh nhân bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm sàng</p> <p>Ngâm rửa vết bỏng bằng nước mát sạch, băng ép, trong sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng kỳ đầu.</p>

2. Bác sỹ chuyên khoa Điện quang

TT	Chuyên môn	Nội dung thực hành
	Hồi sức cấp cứu (3 tháng)	<p>Ghi điện tim cấp cứu tại giường</p> <p>Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên</p> <p>Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm</p> <p>Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu</p> <p>Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu</p> <p>Bóp bóng Ambu qua mặt nạ</p> <p>Thở oxy</p> <p>Khí dung thuốc cấp cứu</p> <p>Khí dung thuốc qua thở máy</p> <p>Chọc hút dịch - khí màng phổi bằng kim hay catheter</p> <p>Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản</p> <p>Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn</p> <p>Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang</p> <p>Chọc dịch tủy sống</p> <p>Đặt ống thông dạ dày</p> <p>Thụt tháo</p>

		<p>Cho ăn qua ống thông dạ dày Chọc dò ổ bụng cấp cứu Dẫn lưu dịch ổ bụng cấp cứu Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch Cố định tạm thời người bệnh gãy xương Băng bó vết thương Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm Định nhóm máu tại giường Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống nội khí quản, mở khí quản bằng ống hút thường để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy</p>
	<p>Chuyên môn Chẩn đoán hình ảnh (9 tháng)</p>	<p>A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN 1. Siêu âm đầu, cổ Siêu âm tuyến giáp Siêu âm các tuyến nước bọt Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt Siêu âm hạch vùng cổ Siêu âm Doppler u tuyến, hạch vùng cổ 2. Siêu âm vùng ngực Siêu âm màng phổi Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực) Siêu âm các khối u phổi ngoại vi 3. Siêu âm ổ bụng Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang) Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến) Siêu âm tử cung phần phụ Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối) Siêu âm Doppler các khối u trong ổ bụng Siêu âm Doppler gan lách Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...) Siêu âm Doppler động mạch thận Siêu âm Doppler tử cung phần phụ Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới 4. Siêu âm sản phụ khoa Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng 5. Siêu âm cơ xương khớp Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....) Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....) 6. Siêu âm tim, mạch máu Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới Doppler động mạch cảnh Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực Siêu âm Doppler tim, van tim</p>

	<p>Siêu âm 3D/4D tim</p> <p>7. Siêu âm vú</p> <p>Siêu âm tuyến vú hai bên</p> <p>Siêu âm Doppler tuyến vú</p> <p>8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam</p> <p>Siêu tinh hoàn hai bên</p> <p>Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên</p> <p>B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)</p> <p>1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy</p> <p>Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng</p> <p>Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng</p> <p>Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao</p> <p>Chụp Xquang sọ tiếp tuyến</p> <p>Chụp Xquang Blondeau</p> <p>Chụp Xquang Hirtz</p> <p>Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng</p> <p>Chụp Xquang cột sống cổ chéch hai bên</p> <p>Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế</p> <p>Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2</p> <p>Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch</p> <p>Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng</p> <p>Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéch hai bên</p> <p>Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng</p> <p>Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng</p> <p>Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéch hai bên</p> <p>Chụp Xquang khung chậu thẳng</p> <p>Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéch</p> <p>Chụp Xquang khớp vai thẳng</p> <p>Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéch</p> <p>Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng</p> <p>Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng</p> <p>Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéch</p> <p>Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)</p> <p>Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng</p> <p>Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéch</p> <p>Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéch</p> <p>Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên</p> <p>Chụp Xquang khớp háng nghiêng</p> <p>Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng</p> <p>Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéch</p> <p>Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè</p> <p>Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng</p> <p>Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéch</p> <p>Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéch</p> <p>Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng</p> <p>Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng</p> <p>Chụp Xquang ngực thẳng</p>
--	--

		<p>Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng Chụp Xquang tại giường 2. Chụp Xquang chẩn đoán có chuẩn bị Chụp Xquang thực quản dạ dày Chụp Xquang đại tràng C. CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH CHẨN ĐOÁN (CT) 1. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ 1-32 dãy Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang 2. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ 1- 32 dãy Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u 3. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ 1-32 dãy Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.) Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u) 4. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ 1-32 dãy Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên</p>
--	--	---

	<p>Chọc cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới</p> <p>D. CÁC KỸ THUẬT CAN THIỆP</p> <p>1. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Sinh thiết vú dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Sinh thiết hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Sinh thiết phần mềm dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Sinh thiết các tạng dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Sinh thiết phổi/màng phổi dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Chọc hút tế bào tủy xương dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Chọc nang tủy xương dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Chọc hút nang vú dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Chọc hút dịch ổ khớp dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Chọc hút dịch màng tinh dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn của siêu âm</p> <p>Chọc hút tế bào dưới hướng dẫn của siêu âm</p> <p>Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn của siêu âm</p> <p>2. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính</p> <p>Sinh thiết phổi/màng phổi dưới cắt lớp vi tính</p> <p>Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính</p> <p>Chọc hút hạch hoặc u dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính</p> <p>Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính</p> <p>Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính</p>
--	--

3. Bác sỹ chuyên khoa Gây mê hồi sức

TT	Chuyên môn	Nội dung thực hành
	Hồi sức cấp cứu (3 tháng)	<p>Ghi điện tim cấp cứu tại giường</p> <p>Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên</p> <p>Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm</p> <p>Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu</p> <p>Đặt ống nội khí quản</p> <p>Hút nội khí quản hoặc hút mở khí quản</p> <p>Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng</p> <p>Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu</p> <p>Bóp bóng Ambu qua mặt nạ</p> <p>Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2)</p> <p>Thở ngắt</p> <p>Thở oxy</p> <p>Khí dung thuốc cấp cứu</p> <p>Khí dung thuốc qua thở máy</p> <p>Chăm sóc lỗ mở khí quản</p> <p>Chăm sóc ống nội khí quản</p> <p>Chọc hút dịch - khí màng phổi bằng kim hay catheter</p> <p>Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản</p> <p>Cấp cứu ngừng tim</p>

		<p>Cấp cứu ngừng thở Ép tim ngoài lồng ngực Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang Chọc dịch tủy sống Đặt ống thông dạ dày Thụt tháo Cho ăn qua ống thông dạ dày Chọc dò ổ bụng cấp cứu Dẫn lưu dịch ổ bụng cấp cứu Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch Cố định tạm thời người bệnh gãy xương Băng bó vết thương Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm Định nhóm máu tại giường Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống nội khí quản, mở khí quản bằng ống hút thường để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy</p>
	<p>Gây mê hồi sức (9 tháng)</p>	<p>Cai máy thở bằng chế độ thở thông thường Cấp cứu ngừng thở Cấp cứu ngừng tim Chăm sóc catheter tĩnh mạch Chọc tĩnh mạch cảnh ngoài Chọc tĩnh mạch cảnh trong Chọc tủy sống đường bên Chọc tủy sống đường giữa Chống hạ thân nhiệt trong hoặc sau phẫu thuật Đặt catheter tĩnh mạch cảnh ngoài Đặt dẫn lưu ngực cấp cứu Đặt mát thanh quản Fastract Đặt mát thanh quản kinh điển hoặc tương đương Đặt mát thanh quản Proseal hoặc tương đương Đặt nội khí quản 1 bên với nòng chặn phế quản (blocker) Đặt nội khí quản khi dạ dày đầy Đặt nội khí quản khó ngược dòng Đặt nội khí quản khó với đèn McCoy (đèn có mũi điều khiển). Đặt nội khí quản với thuốc mê tĩnh mạch, thuốc mê hô hấp Đặt ống thông khí phổi 2 nòng Đặt ống thông khí phổi bằng nội soi phế quản Dự phòng rối loạn đông máu bằng tiêm truyền axit tranexamic Kỹ thuật gây mê hô hấp qua mặt nạ Kỹ thuật gây mê lưu lượng thấp</p>

	<p>Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch với etomidate, ketamine, propofol, thiopental</p> <p>Kỹ thuật gây mê vòng kín có vôi soda</p> <p>Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng ngực</p> <p>Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng đường giữa</p> <p>Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng, đường bên</p> <p>Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường gian cơ bậc thang</p> <p>Kỹ thuật gây tê tủy sống phẫu thuật lấy thai</p> <p>Ghi điện tim cấp cứu tại giường</p> <p>Kỹ thuật giảm đau bằng dò liều morphin tĩnh mạch</p> <p>Kỹ thuật giảm đau bằng morphin tĩnh mạch theo kiểu PCA</p> <p>Kỹ thuật giảm đau bằng morphinic tủy sống</p> <p>Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc tê-morphinic qua khoang ngoài màng cứng ngực qua bơm tiêm điện</p> <p>Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc tê-morphinic qua khoang ngoài màng cứng thắt lưng qua bơm tiêm điện</p> <p>Kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng gây tê NMC</p> <p>Hô hấp nhân tạo bằng máy trong và sau mê</p> <p>Hô hấp nhân tạo bằng tay với bóng hay ambu trong và sau mê</p> <p>Hút dẫn lưu ngực</p> <p>Hút nội khí quản bằng hệ thống kín</p> <p>Hút nội khí quản hoặc hút mở khí quản</p> <p>Huy động phế nang ở bệnh nhân thở máy</p> <p>Lưu kim luôn tĩnh mạch để tiêm thuốc</p> <p>Mở khí quản</p> <p>Nội soi khí phế quản ở người bệnh suy thở, thở máy</p> <p>Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch</p> <p>Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày</p> <p>Rửa tay phẫu thuật</p> <p>Rửa tay sát khuẩn</p> <p>Săn sóc theo dõi ống thông tiểu</p> <p>Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm</p> <p>Theo dõi đường giấy tại chỗ</p> <p>Theo dõi EtCO₂</p> <p>Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy</p> <p>Theo dõi huyết áp xâm lấn bằng máy</p> <p>Theo dõi khí máu tại chỗ</p> <p>Theo dõi SpO₂</p> <p>Thở oxy gọng kính</p> <p>Thở oxy qua mặt nạ</p> <p>Thông khí không xâm nhập bằng máy thở</p>
--	---

	<p>Thông khí một phổi</p> <p>Thường qui đặt nội khí quản khó</p> <p>Truyền dịch trong sóc</p> <p>Truyền máu hoặc sản phẩm máu thường qui</p> <p>Truyền máu khối lượng lớn</p> <p>Truyền máu trong sóc</p> <p>Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh</p> <p>Xác định nhóm máu trước truyền máu tại giường</p> <p>Gây mê nội soi phế quản sinh thiết chẩn đoán</p> <p>Gây mê phẫu thuật cắt 1 phổi hoặc thùy phổi hoặc phân thùy phổi</p> <p>Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm</p> <p>Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm</p> <p>Gây mê phẫu thuật cắt, nạo vét hạch cổ tiết căn</p> <p>Gây mê phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi</p> <p>Gây mê phẫu thuật mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết</p> <p>Gây mê phẫu thuật nội soi bóc vỏ màng phổi</p> <p>Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 phần thùy phổi</p> <p>Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bóng khí phổi</p> <p>Gây mê phẫu thuật nội soi lồng ngực lấy máu tụ, cầm máu</p> <p>Gây mê phẫu thuật nội soi lồng ngực sinh thiết chẩn đoán</p> <p>Gây mê phẫu thuật nội soi lồng ngực xử trí tràn máu, tràn khí màng phổi</p> <p>Hồi sức phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm</p> <p>Hồi sức phẫu thuật điều trị bệnh lý mù màng phổi</p> <p>Hồi sức phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi</p> <p>Hồi sức phẫu thuật mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết</p> <p>Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 phần thùy phổi</p> <p>Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bóng khí phổi</p> <p>Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt kén, nang phổi</p>
--	--

4. Kỹ thuật Xét nghiệm Y học

TT	Chuyên môn	Nội dung thực hành
	Hồi sức cấp cứu (1 tháng)	<p>Ghi điện tim cấp cứu tại giường</p> <p>Bóp bóng Ambu qua mặt nạ</p> <p>Thở oxy</p> <p>Khí dung thuốc cấp cứu</p> <p>Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản</p> <p>Đặt ống thông dạ dày</p> <p>Thụt tháo</p> <p>Thổi ngạt</p> <p>Đặt ống thông bàng quang</p>

	<p>Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch</p> <p>Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch</p> <p>Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường</p> <p>Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm</p> <p>Định nhóm máu tại giường</p> <p>Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống nội khí quản, mở khí quản bằng ống hút thường để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy</p>
Chuyên môn (5 tháng)	<p>I. HUYẾT HỌC</p> <p>A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU</p> <p>Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động</p> <p>Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động</p> <p>Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động</p> <p>Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động</p> <p>Thời gian máu chảy phương pháp Duke</p> <p>Định lượng D-Dimer</p> <p>B. TẾ BÀO HỌC</p> <p>Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)</p> <p>Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)</p> <p>Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)</p> <p>Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)</p> <p>Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)</p> <p>Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tuỷ, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng máy phân tích huyết học tự động</p> <p>Xét nghiệm các loại dịch, nhuộm và chẩn đoán tế bào học</p> <p>C. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU</p> <p>Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (Kỹ thuật ống nghiệm)</p> <p>Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37°C (Kỹ thuật ống nghiệm)</p> <p>Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)</p> <p>Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiến đá)</p> <p>Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu</p> <p>Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương</p> <p>Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu</p> <p>Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương</p> <p>Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)</p> <p>Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiến đá)</p>

		<p>II. SINH HÓA</p> <p>A. MÁU</p> <p>Định lượng Acid Uric</p> <p>Định lượng Albumin</p> <p>Đo hoạt độ ALT (GPT)</p> <p>Đo hoạt độ AST (GOT)</p> <p>Định lượng Bilirubin trực tiếp</p> <p>Định lượng Bilirubin toàn phần</p> <p>Định lượng Cholesterol toàn phần</p> <p>Đo hoạt độ CK (Creatine kinase)</p> <p>Định lượng CK-MB mass</p> <p>Định lượng Creatinin</p> <p>Định lượng Ferritin</p> <p>Định lượng Glucose</p> <p>Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)</p> <p>Định lượng Protein toàn phần</p> <p>Định lượng Sắt</p> <p>Định lượng Triglycerid</p> <p>Định lượng Urê</p> <p>Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)</p> <p>B. DỊCH NÃO TUỠY</p> <p>Định lượng Glucose</p> <p>Định lượng Protein</p> <p>C. DỊCH CHỌC DÒ (Dịch màng bụng, màng phổi, màng tim...)</p> <p>Định lượng Glucose</p> <p>Định lượng Protein</p> <p>Phản ứng Rivalta</p> <p>D. CÁC KỸ THUẬT KHÁC</p> <p>Phản ứng CRP</p> <p>III. VI KHUẨN, VIRUS, KÝ SINH TRÙNG</p> <p>A. VI KHUẨN</p> <p>1. Vi khuẩn chung</p> <p>Vi khuẩn nhuộm soi</p> <p>Vi khuẩn test nhanh</p> <p>Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường</p> <p>Vi khuẩn nuôi cấy và định danh hệ thống tự động</p> <p>Vi khuẩn nuôi cấy, định danh và kháng thuốc hệ thống tự động</p> <p>Vi khuẩn kháng thuốc định tính</p> <p>Vi khuẩn kháng thuốc hệ thống tự động</p> <p>Vi khuẩn kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1 loại kháng sinh)</p> <p>Vi khuẩn kháng định</p> <p>Vi khuẩn định danh PCR</p> <p>Vi khuẩn kháng thuốc PCR</p> <p>2. Mycobacteria</p>
--	--	---

		<p>AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen AFB trực tiếp nhuộm huỳnh quang Mycobacterium tuberculosis nuôi cấy môi trường lỏng Mycobacterium tuberculosis nuôi cấy môi trường đặc Mycobacterium tuberculosis Mantoux Mycobacterium tuberculosis định danh và kháng RMP Xpert MTB (Mycobacterium tuberculosis) kháng nguyên test nhanh Mycobacterium tuberculosis Real-time PCR MTB (Mycobacterium tuberculosis) định danh Truenat MTB (Mycobacterium tuberculosis) kháng RMP Truenat</p> <p>B. VIRUS</p> <p>1. Virus chung Virus test nhanh Virus PCR</p> <p>2. Hepatitis virus HBsAg test nhanh HCV Ab test nhanh</p> <p>3. HIV HIV Ab test nhanh SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Real-time RT PCR SARS-CoV-2 Ag test nhanh SARS-CoV-2 Ab test nhanh</p> <p>C. KÝ SINH TRÙNG</p> <p>1. Ký sinh trùng trong phân Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi Hồng cầu trong phân test nhanh Đơn bào đường ruột soi tươi Đơn bào đường ruột nhuộm soi Trứng giun, sán soi tươi Trứng giun soi tập trung</p> <p>2. Ký sinh trùng trong máu</p> <p>D. VI NẤM Vi nấm soi tươi Vi nấm nhuộm soi</p> <p>IV. GIẢI PHẪU BỆNH</p> <p>A. TẾ BÀO HỌC Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da Chọc hút kim nhỏ tuyến nước bọt Chọc hút kim nhỏ các hạch Chọc hút kim nhỏ mô mềm Tế bào học dịch màng bụng, màng tim Tế bào học dịch màng khớp Tế bào học nước tiểu Tế bào học đờm Tế bào học dịch chải phế quản Tế bào học dịch rửa phế quản</p>
--	--	---

	<p>Tế bào học dịch các tổn thương dạng nang</p> <p>Tế bào học dịch rửa ổ bụng</p> <p>Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy</p> <p>B. GIẢI PHẪU BỆNH</p> <p>Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyên, đúc, cắt, nhuộm... các bệnh phẩm sinh thiết</p> <p>Phẫu tích các loại bệnh phẩm làm xét nghiệm mô bệnh học</p> <p>Nhuộm PAS Periodic Acid Schiff</p> <p>Nhuộm hai màu Hematoxyline - Eosin</p> <p>Nhuộm HE trên phiến đồ tế bào học</p>
--	--

5. Kỹ thuật Hình ảnh Y học

TT	Chuyên môn	Nội dung thực hành
	Hồi sức cấp cứu (1 tháng)	<p>Ghi điện tim cấp cứu tại giường</p> <p>Bóp bóng Ambu qua mặt nạ</p> <p>Thở oxy</p> <p>Khí dung thuốc cấp cứu</p> <p>Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản</p> <p>Đặt ống thông dạ dày</p> <p>Thụt tháo</p> <p>Thổi ngạt</p> <p>Đặt ống thông bàng quang</p> <p>Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch</p> <p>Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch</p> <p>Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường</p> <p>Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm</p> <p>Định nhóm máu tại giường</p> <p>Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống nội khí quản, mở khí quản bằng ống hút thường để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy</p>
	Chuyên môn (5 tháng)	<p>A. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)</p> <p>1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy</p> <p>Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng</p> <p>Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng</p> <p>Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao</p> <p>Chụp Xquang sọ tiếp tuyến</p> <p>Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng</p> <p>Chụp Xquang Blondeau</p> <p>Chụp Xquang Hirtz</p> <p>Chụp Xquang hàm chéch một bên</p> <p>Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến</p> <p>Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng</p> <p>Chụp Xquang Schuller</p> <p>Chụp Xquang khớp thái dương hàm</p> <p>Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng</p>

	<p> Chụp Xquang cột sống cổ chéch hai bên Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2 Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéch hai bên Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéch hai bên Chụp Xquang khung chậu thẳng Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéch Chụp Xquang khớp vai thẳng Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéch Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéch Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle) Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéch Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéch Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên Chụp Xquang khớp háng nghiêng Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéch Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéch Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéch Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng Chụp Xquang ngực thẳng Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chéch mỗi bên Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chéch Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng Chụp Xquang hệ tiết niệu không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng Chụp Xquang tại giường Chụp Xquang tại phòng mổ 2. Chụp Xquang chẩn đoán có chuẩn bị Chụp Xquang thực quản dạ dày Chụp Xquang đại tràng </p>
--	--

		<p>B. CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH CHẨN ĐOÁN (CT)</p> <p>1. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ 1-32 dãy</p> <p>Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang</p> <p>Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang</p> <p>Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang</p> <p>Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang</p> <p>Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang</p> <p>4. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ 1- 32 dãy</p> <p>Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang</p> <p>Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang</p> <p>Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao</p> <p>Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u</p> <p>7. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ 1-32 dãy</p> <p>Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.)</p> <p>Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy</p> <p>Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)</p> <p>Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy</p> <p>Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)</p> <p>10. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ 1-32 dãy</p> <p>Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang</p> <p>Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang</p> <p>Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang</p> <p>Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang</p> <p>Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang</p> <p>Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang</p> <p>Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang</p> <p>Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang</p> <p>Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp</p> <p>Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang</p> <p>Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang</p> <p>5. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Sinh thiết vú dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Sinh thiết hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Sinh thiết tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Sinh thiết phần mềm dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Sinh thiết phổi/màng phổi dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm</p>
--	--	--

	<p>Chọc hút tế bào tủy giáp dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Chọc nang tủy giáp dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Chọc hút nang vú dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Chọc hút dịch ổ khớp dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Chọc hút dịch màng tim dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn của siêu âm</p> <p>Chọc hút tế bào dưới hướng dẫn của siêu âm</p> <p>Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn siêu âm</p> <p>Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn của siêu âm</p> <p>6. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính</p> <p>Sinh thiết phổi/màng phổi dưới cắt lớp vi tính</p> <p>Sinh thiết phần mềm dưới cắt lớp vi tính</p> <p>Sinh thiết tạng hay khối ổ bụng dưới cắt lớp vi tính</p> <p>Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính</p> <p>Chọc hút hạch hoặc u dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính</p> <p>Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính</p>
--	---

6. Điều dưỡng

TT	Chuyên môn	Nội dung thực hành
	Hồi sức cấp cứu (1 tháng)	<p>Cấp cứu ngừng tuần hoàn cho bệnh nhân ngộ độc</p> <p>Chăm sóc bệnh nhân đã tử vong</p> <p>Chăm sóc bệnh nhân thở máy</p> <p>Chăm sóc catheter swan-ganz ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu</p> <p>Chăm sóc catheter tĩnh mạch đùi ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu</p> <p>Chăm sóc catheter thận nhân tạo ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc</p> <p>Điều trị bằng oxy cao áp</p> <p>Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa</p> <p>Gội đầu tẩy độc cho người bệnh</p> <p>Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ</p> <p>Hút liên tục trên bóng chèn áp lực thấp</p> <p>Hút nội khí quản bằng hệ thống kín</p> <p>Hút nội khí quản hoặc hút mở khí quản</p> <p>Kỹ thuật cách ly dự phòng</p> <p>Kỹ thuật cách ly nhiễm trùng</p> <p>Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung có nước muối ưu trương</p> <p>Kỹ thuật truyền thuốc qua máy bơm tiêm điện</p> <p>Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng</p> <p>Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống hút đờm có đầu bảo vệ để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy</p> <p>Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống nội khí quản, mở khí quản bằng ống hút thường để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy</p> <p>Lấy bệnh phẩm dịch phế quản xét nghiệm của bệnh nhân cúm ở khoa hồi sức cấp cứu và chống độc</p> <p>Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm</p> <p>Rút canuyn khí quản</p> <p>Rút catheter tĩnh mạch đùi chạy thận nhân tạo cấp cứu</p> <p>Rút catheter tĩnh mạch trung tâm chạy thận nhân tạo cấp cứu</p> <p>Rút catheter tĩnh mạch trung tâm trong lọc máu</p>

		<p>Rút ống mở khí quản Rút ống nội khí quản Rửa bàng quang ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc Tắm tẩy độc cho người bệnh Theo dõi thân nhiệt bằng máy Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính Thở oxy qua mặt nạ venturi (≤ 8 giờ) Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện Vận chuyển bệnh nhân nặng ngoại viện Vệ sinh khử khuẩn máy thở Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường</p>
	Chuyên khoa khác	<p>I. Kỹ thuật chung Băng ép bất động xử trí rắn độc cắn Băng ép cầm máu Bóp bóng Ambu qua mặt nạ Cạo râu Cắt chỉ Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương Cắt móng chân, chăm sóc móng chân Cắt móng tay/chân Cắt/cạo tóc Cấp cứu cao huyết áp Cấp cứu ngừng tim Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản Cấp cứu ngừng thở Cấp cứu tụt huyết áp Chăm sóc catheter cố định Chăm sóc catheter động mạch Chăm sóc catheter tĩnh mạch Chăm sóc catheter tĩnh mạch trung tâm Chăm sóc catheter TMTT trong lọc máu Chăm sóc lỗ mở khí quản Chăm sóc lỗ mở thông ra da có biến chứng Chăm sóc ống nội khí quản Chăm sóc ống thông bàng quang Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng Cho ăn qua ống thông dạ dày Chuẩn bị người bệnh trước phẫu thuật Đánh giá độ đau bằng các thang điểm Đánh giá huyết áp Đánh giá mạch Đánh giá nhịp thở Đánh giá rối loạn nuốt Đánh giá tình trạng dinh dưỡng theo chỉ số nhân trắc cho người bệnh Đánh giá, nhận định người bệnh Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên Đặt ống thông dạ dày Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang</p>

	<p>Đặt ống thông hậu môn</p> <p>Điện tim thường</p> <p>Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương</p> <p>Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu</p> <p>Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương</p> <p>Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu</p> <p>Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu</p> <p>Đo lượng nước tiểu 24 giờ</p> <p>Đo thân nhiệt bằng nhiệt kế</p> <p>Đo trọng lượng cơ thể cho người bệnh nặng bằng dụng cụ chuyên biệt</p> <p>Đo vòng đầu</p> <p>Ghi điện tim cấp cứu tại giường</p> <p>Ghi điện tim thường</p> <p>Hút dịch dạ dày</p> <p>Hút đờm hầu họng</p> <p>Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín ở người bệnh có thở máy</p> <p>Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy</p> <p>Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy</p> <p>Hướng dẫn người bệnh kỹ thuật chuyên môn tự thực hiện tại nhà trước khi ra viện</p> <p>Hướng dẫn người bệnh kỹ thuật chuyên môn tự thực hiện trong quá trình điều trị</p> <p>Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình xịt định liều</p> <p>Kỹ thuật đánh giá đau cho người bệnh</p> <p>Kỹ thuật đánh giá, phân cấp chăm sóc cho người bệnh</p> <p>Kỹ thuật gọi đầu cho người bệnh tại giường</p> <p>Kỹ thuật hỗ trợ người bệnh di chuyển bằng xe lăn</p> <p>Kỹ thuật hỗ trợ người bệnh tập đi bằng xe chữ U</p> <p>Kỹ thuật bơm thuốc qua ống thông mũi - dạ dày</p> <p>Kỹ thuật bơm, kiểm tra áp lực bóng chèn NKQ/MKQ</p> <p>Kỹ thuật cân người bệnh nặng tại giường</p> <p>Kỹ thuật cố định NB kích động</p> <p>Kỹ thuật chăm sóc dẫn lưu</p> <p>Kỹ thuật chăm sóc hậu môn, sinh dục</p> <p>Kỹ thuật chăm sóc ống thông mạch máu</p> <p>Kỹ thuật chăm sóc ống thông tiểu lưu</p> <p>Kỹ thuật cho người bệnh ăn qua đường miệng</p> <p>Kỹ thuật cho người bệnh có rối loạn về nuốt ăn</p> <p>Kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc</p> <p>Kỹ thuật chuyển người bệnh hạn chế vận động</p>
--	---

	<p> Kỹ thuật đặt ống thông tiêu 1 lần Kỹ thuật đặt ống thông tiêu liên tục Kỹ thuật đo chiều cao, cân nặng Kỹ thuật đo trọng lượng cơ thể cho người bệnh nặng bằng dụng cụ chuyên biệt Kỹ thuật đo vòng bụng Kỹ thuật đo vòng cánh tay Kỹ thuật garo cầm máu Kỹ thuật gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương Kỹ thuật làm sạch nòng trong canuyn mở khí quản 2 nòng Kỹ thuật lấy dịch tỵ hầu để xét nghiệm Kỹ thuật lấy đờm tác động bằng vỗ rung Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch Kỹ thuật lấy mủ làm xét nghiệm Kỹ thuật lấy nước tiểu 24h Kỹ thuật lấy nước tiểu ở người bệnh có đặt dẫn lưu nước tiểu Kỹ thuật lấy nước tiểu thường quy Kỹ thuật lấy phân xét nghiệm Kỹ thuật rút ống dẫn lưu Kỹ thuật rút ống thông mạch máu trung tâm Kỹ thuật rút ống thông tiêu lưu Kỹ thuật sưởi ấm cơ thể bằng nhiệt Kỹ thuật tắm cho người bệnh Kỹ thuật tập thở cơ hoành Kỹ thuật tập thở với dụng cụ Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch qua cổng tiêm thuốc Kỹ thuật thay băng lỗ mở khí quản Kỹ thuật thay túi lỗ mở thông ra da Kỹ thuật theo dõi người bệnh sau can thiệp Kỹ thuật thực hiện bôi thuốc ngoài da Kỹ thuật vệ sinh răng miệng cho người bệnh Kỹ thuật vệ sinh răng miệng cho người bệnh có ống NKQ hoặc người bệnh thở máy Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực Kỹ thuật xoa bóp chân bằng máy cho người bệnh đái tháo đường Kỹ thuật xoa bóp điều trị dự phòng loét độ I Kỹ thuật xoa bóp vùng Kỹ thuật xoay chuyển bệnh nhân dự phòng loét tỳ đè Kỹ thuật xoay chuyển người bệnh dự phòng loét tỳ đè Kỹ thuật xử trí loét do đè ép độ I, độ II Khí dung mũi họng Khí dung thuốc cấp cứu Khí dung thuốc giãn phế quản Khí dung thuốc qua thở máy Lấy máu tĩnh mạch bẹn </p>
--	---

	<p> Liệu pháp giảm đau không dùng thuốc Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày Lưu kim luôn tĩnh mạch để tiêm thuốc Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày Nhận định, đánh giá khẩu phần dinh dưỡng trong 24 giờ qua Rửa bàng quang Rửa dạ dày Rửa dạ dày cấp cứu Sàng lọc nguy cơ dinh dưỡng Săn sóc theo dõi ống thông tiểu Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch Tiêm trong da; tiêm dưới da; tiêm bắp thịt Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng Thay băng điều trị vết thương mạn tính Thay băng vết mổ Thay băng vết thương sau cắt lọc hoại tử dưới 10 cm^2 Thay băng vết thương sau cắt lọc hoại tử trên 10 cm^2 Thay băng vết thương, vết loét trên người bệnh đái tháo đường Thay băng vết thương, vết mổ chiều dài $\leq 15\text{ cm}$ Thay băng vết thương, vết mổ chiều dài trên 15 cm đến 30 cm Thay băng vết thương, vết mổ nhiễm trùng chiều dài dưới 15 cm Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ Theo dõi khẩu phần dinh dưỡng trong 24 giờ Theo dõi SpO₂ Theo dõi SPO₂ liên tục tại giường Theo dõi SPO₂ liên tục tại giường ≤ 8 giờ Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui Theo dõi và chăm sóc người bệnh sóc phản vệ 72 giờ đầu Theo dõi, thay túi lỗ mở thông ra da Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8 giờ Thở oxy qua gọng kính Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại Thở oxy qua mặt nạ không có túi Thở oxy qua mũ kín Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) Thở oxy qua mặt nạ có túi có hít lại Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em </p>
--	--

	<p> Thụt giữ Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng Thụt tháo phân Thụt thuốc qua đường hậu môn Truyền dịch thường qui Truyền dịch trong sóc Truyền máu hoặc sản phẩm máu thường qui Truyền máu tại giường bệnh Truyền máu trong sóc Truyền tĩnh mạch Truyền tĩnh mạch qua máy Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh Xoay trở bệnh nhân thở máy II. Nội khoa, Nội Tiết, Di ứng miễn dịch lâm sàng Chăm sóc và bảo quản catheter đường hầm có cuff để lọc máu Chăm sóc và bảo quản catheter tĩnh mạch trung tâm trong lọc máu Đo chức năng hô hấp Khí máu - điện giải trên máy Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù Rút máu để điều trị Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện Truyền tĩnh mạch Insulin theo nhịp sinh học bằng bơm tiêm tự động điều trị đái tháo đường Truyền thuốc chống ung thư đường tĩnh mạch Vỗ rung cho người bệnh Hen phế quản III. Gây mê hồi sức Chăm sóc bệnh nhân đã tử vong Hô hấp nhân tạo bằng tay với bóng hayambu trong và sau mê Hút liên tục trên bóng chèn áp lực thấp Hút nội khí quản bằng hệ thống kín Hút nội khí quản hoặc hút mở khí quản Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng Rút ống mở khí quản Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS Theo dõi và dùng thuốc giảm đau liên tục Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh IV. Y học cổ truyền Tập các kiểu thở Tập lăn trở khi nằm Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng Tập vận động có trợ giúp Tập ho có trợ giúp Tập với xe đạp tập Tập với ròng rọc </p>
--	---

	<p>Tập với các dụng cụ trợ giúp</p> <p>Tập đi trên máy thảm lăn</p> <p>Xoa bóp vùng</p> <p>Tập thở có trợ giúp</p> <p>Tập thở có trợ giúp cho người bệnh thở máy</p> <p>Tập thở với kháng trở</p> <p>Tập nuốt</p> <p>Tập vận động thụ động</p> <p>Tập với ghế mạnh cơ tứ đầu đùi</p> <p>Điện châm</p> <p>Nghiệm pháp đi bộ 6 phút</p> <p>Chiếu tia hồng ngoại</p> <p>Tập thở với đai vải</p> <p>V. Ung bướu</p> <p>Tiêm bắp thuốc điều trị ung thư</p> <p>Tiêm dưới da thuốc chống ung thư</p>
--	---

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Các khoa, phòng;
- Lưu VT, QLCL.

GIÁM ĐỐC



Đào Thanh Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

(Số: 39 /HĐĐT-BVĐK-BVP)

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;
Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;
Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Hôm nay, ngày ..19.. tháng ..3.. năm 2025 tại Bệnh viện đa khoa TP. Thanh Hóa, chúng tôi gồm:

BÊN A: Bệnh viện Đa khoa Thành phố Thanh Hóa

Địa chỉ: 140 Trường Thi - Phường Trường Thi - TP. Thanh Hóa - tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại: 0912.522.077

Đại diện là Ông: Lê Tiến Toàn

Chức vụ: Giám đốc

BÊN B: Bệnh viện Phổi Thanh Hóa

Địa chỉ: 302 Nguyễn Hữu Cảnh - Phường Quảng Thịnh - TP. Thanh Hóa - tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại: 02373996424

Đại diện là Ông: Đào Thanh Bình

Chức vụ: Giám đốc

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:

Điều 1. Nội dung Hợp đồng đào tạo thực hành

1. Đối tượng thực hành: Bác sỹ y khoa.

2. Nội dung chuyên môn và thời gian thực hành:

TT	Chuyên môn	Thời gian thực hành	Nội dung thực hành
1	Sản phụ khoa	3 tuần	Theo nội dung các chuyên khoa tại Phụ lục số V: Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của người hành nghề chức danh Bác sỹ với phạm vi hành nghề y khoa (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)
2	Nhi khoa	1 tháng	
3	Mắt, TMH, RHM	2 tuần	
4	Tâm thần	2 tuần	
5	Da và lớp bao phủ	1 tuần	

* Trong quá trình thực hành có lồng ghép hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; đạo đức hành nghề, ứng xử người hành nghề...

3. Địa điểm thực hành: Tại Bệnh viện Đa khoa Thành phố Thanh Hóa

4. Chi phí thực hành: 900.000đ/người/tháng

Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành

1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.

2. Thời hạn thanh toán: Trước khi bắt đầu thực hành.

3. Người thực hành tự chi trả chi phí thực hành cho bên A theo thỏa thuận.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Bên A có quyền:

a) Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.

b) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu Bên B vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

c) Thu chi phí thực hành của người thực hành theo thỏa thuận.

2. Bên A có nghĩa vụ:

a) Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

b) Bảo đảm hướng dẫn thực hành đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.

c) Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật.

d) Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định.

đ) Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.



Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Bên B có quyền:

- a) Được giới thiệu người thực hành của cơ sở mình đến Bên A để thực hành.
- b) Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.
- c) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở hướng dẫn thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

2. Bên B có nghĩa vụ:

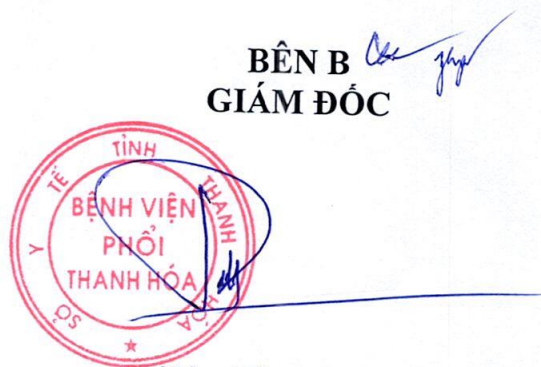
- a) Cung cấp cho Bên A thông tin của người thực hành; nội dung đào tạo thực hành, thời gian thực hành, số người thực hành.
- b) Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với người thực hành của cơ sở mình tham gia thực hành tại Bên A.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và có hiệu lực trong 05 năm.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh thay đổi nội dung hợp đồng hai bên tiến hành ký phụ lục để thực hiện.
3. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Tòa án để giải quyết.
4. Hợp đồng này làm thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai bản./.

BÊN A
GIÁM ĐỐC


Lê Tiến Toàn

BÊN B
GIÁM ĐỐC


Đào Thanh Bình

